ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2378/QĐ-UBND	*Tiền Giang, ngày 29 tháng 8 năm 2022*

CTY TNHH MTV KHAI THÁC CT THỦY LỢI TG
ĐẾN Số: 368
Ngày: 30/8/2022
Chuyển: BGĐ, các P.NV, các CN
Lưu hồ sơ số: Các đ/c

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1793/SNV-TCCC ngày 15/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang đã được Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang phê duyệt tại Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 24/01/2017; Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; các thành viên Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang; Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – CN Tiền Giang;
- VPUB: CVP, các PCVP, P.KT, P.NC Năm;
- Lưu: VT, NC(Quốc).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Trọng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2378/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang" (gọi tắt là Công ty Thủy nông Tiền Giang) thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;

b) "Công ty" là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang;

c) "Chủ sở hữu Công ty" là Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;

d) "Người quản lý Công ty" bao gồm Chủ tịch Công ty, Giám đốc, các Phó Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng Công ty;

đ) "Đơn vị trực thuộc" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện nằm trong cơ cấu Công ty;

e) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/6/2020.

2. "Pháp luật" là các quy định pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm các bộ luật, luật và các văn bản dưới luật do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành.

3. Các thuật ngữ không được định nghĩa trong Điều lệ này được giải thích theo quy định pháp luật.

Điều 2. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty

1. Tên đầy đủ của Công ty: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN GIANG.**

2. Tên Công ty viết tắt: **CÔNG TY THỦY NÔNG TIỀN GIANG.**

3. Tên tiếng Anh: **TIEN GIANG IRRIGATION WORKS OPERATING LTD. COMPANY.**

4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 65/4, đường Trần Hưng Đạo, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Điện thoại: (0273) 3874 229 - 3870 221
- Fax: (0273) 3871 288.
- Email: ktcttltg@yahoo.com.vn
- Website: http://www.thuynongtiengiang.com.vn

5. Mã số doanh nghiệp: 1200100596

6. Logo:

Địa chỉ này là địa chỉ pháp lý của Công ty để giao dịch, nhận văn bản các loại.

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty TNHH MTV do Nhà nước làm Chủ sở hữu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn Điều lệ của Công ty.

4. Công ty có Điều lệ và Tổ chức hoạt động riêng. Điều lệ của Công ty do Chủ sở hữu Công ty ban hành.

5. Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.

6. Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Chủ sở hữu Công ty.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động:

a) Tổ chức quản lý khai thác công trình và hệ thống công trình thủy lợi do Chủ sở hữu giao hoặc tổ chức được Chủ sở hữu ủy quyền giao để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

b) Sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo tồn và phát triển vốn Chủ sở hữu tại Công ty, hoàn thành các nhiệm vụ do Chủ sở hữu Công ty giao.

2. Ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, cung cấp nước Chi tiết: Dịch vụ cung ứng nước cho sản xuất nông nghiệp	*3600 (chính)*
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát, thiết kế các công trình thủy lợi	*7110*
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Tu bổ, sửa chữa, xây đúc, thi công các công trình thủy lợi, đào đắp đê, nạo vét kênh mương, đào đắp đất đá, nề bê tông	*4390*

3. Phạm vi hoạt động: trong nước.

4. Thời hạn hoạt động: Thời hạn hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang là không hạn định kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5. Công ty được quyền sử dụng tài sản, tiền vốn thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty để đầu tư ra ngoài Công ty theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, khoản 7 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ, các văn bản pháp luật có liên quan và theo các quy định tại Điều lệ này. Công ty có thể bổ sung các ngành, nghề kinh doanh khác sau khi được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

Điều 5. Mức vốn điều lệ

1. Toàn bộ số vốn điều lệ của Công ty là vốn nhà nước, do Chủ sở hữu Công ty góp 100%.

2. Vốn điều lệ của Công ty theo báo cáo tài chính năm 2020 là 311.021.465.338 đồng. *(Ba trăm mười một tỷ, không trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm ba mươi tám đồng)*

Điều 6. Chủ sở hữu Công ty

Nhà nước là Chủ sở hữu Công ty. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang là cơ quan đại diện Chủ sở hữu nhà nước của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Tên, địa chỉ cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty:

- Tên: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG.

- Địa chỉ: Số 23, đường 30/4, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Điện thoại: (0273) 387 3153

- Fax: (0273) 387 3680

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Quản lý nhà nước đối với Công ty

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị – xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong doanh nghiệp

1. Tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức.

2. Công ty không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Công ty

1. Chủ động tổ chức sản xuất, kinh doanh, kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

2. Kinh doanh những ngành, nghề, lĩnh vực phù hợp với mục tiêu hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 4 và ngành nghề kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều 4 của Điều lệ này; mở rộng quy mô, ngành, nghề kinh doanh theo khả năng, nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 4 của Điều lệ này.

3. Quyền đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định tại Điều lệ này.

4. Quyền quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự theo quy định của pháp luật.

5. Quyền quản lý đối với phần vốn góp của Công ty theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định tại Điều lệ này.

6. Quyền khác theo quy định tại Điều 7 Luật Doanh nghiệp và theo quy định của các văn bản khác có liên quan.

Điều 11. Nghĩa vụ của Công ty

1. Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Nhà nước giao; kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành nghề có điều kiện; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

2. Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

3. Đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động theo quy định của pháp luật.

4. Ký kết và thực hiện tốt hợp đồng lao động; thỏa ước lao động tập thể; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

5. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Chủ sở hữu.

6. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về Công ty, tình hình tài chính của Công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định.

8. Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.

9. Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

10. Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

11. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Chủ sở hữu nhà nước; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

12. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu về việc sử dụng vốn, tài sản của Công ty để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Không sử dụng tài sản đang đi thuê, đi mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán đại lý, ký gửi để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

13. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng các quy chế phối hợp với đoàn thể ở Công ty nhằm góp phần ổn định hoạt động và phát triển của Công ty.

14. Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

15. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công khai tài chính hằng năm và cung cấp thông tin cần thiết để đánh giá trung thực về hiệu quả của Công ty.

16. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

Chương III
QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Mục 1
CÁC QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 12. Quyền của Chủ sở hữu Công ty

Chủ sở hữu Công ty thực hiện quyền của Chủ sở hữu Công ty quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật Doanh nghiệp và các quyền sau đây:

1. Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh, chuyển đổi sở hữu Công ty.

2. Quyết định đầu tư vốn điều lệ; điều chỉnh, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty.

3. Quyết định khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên; quyết định quỹ tiền lương, thù lao hằng năm của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên. Phê duyệt phương án của Chủ tịch Công ty về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.

4. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm, hằng năm của Công ty.

5. Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định cho Công ty về đầu tư, mua, bán tài sản cố định; đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; phương án huy động vốn của Công ty theo quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30 của Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

6. Quy định chế độ tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ; phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

7. Quy định cơ chế giao nhiệm vụ và tham gia thực hiện việc cung cấp và bảo đảm các sản phẩm, dịch vụ công ích, thiết yếu.

8. Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, hiệu quả sản xuất; quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn của Công ty. Đánh giá Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty trong việc quản lý, điều hành Công ty.

9. Đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong quản lý, điều hành của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên.

10. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13: Nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty

1. Đầu tư đủ vốn và đúng hạn vốn điều lệ cho Công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ của Công ty.

3. Tuân thủ pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc đầu tư, mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty và Chủ sở hữu Công ty.

4. Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác, Công ty phải đăng ký chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày chuyển nhượng. Trường hợp rút một phần vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Chủ sở hữu, cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

5. Phải xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu nhà nước và tài sản của Công ty.

6. Chủ sở hữu Công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Mục 2
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty.

b) Phê duyệt việc thay đổi, bổ sung quy định tại Điều 2, khoản 2 Điều 4 Điều lệ này.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương: Tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, yêu cầu phá sản công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác của Công ty.

3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển, danh mục dự án đầu tư hằng năm của Công ty và thông báo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, giám sát, giao chỉ tiêu đánh giá xếp loại doanh nghiệp cho Công ty.

4. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án thành lập công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.

5. Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, phân công của Chủ sở hữu nhà nước và Điều lệ này.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty.

2. Thực hiện việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đối với Công ty.

4. Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, phân công của Chủ sở hữu nhà nước và Điều lệ này.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của Công ty.

2. Chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ hằng năm và thanh tra theo quy định việc thực hiện chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của Công ty.

3. Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, phân công của Chủ sở hữu nhà nước và Điều lệ này.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.

2. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Kiểm soát viên Công ty.

3. Phối hợp thực hiện giám sát, kiểm tra việc chấp hành quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ tại Công ty.

4. Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, phân công của Chủ sở hữu nhà nước và Điều lệ này.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Phối hợp thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ hằng năm và thanh tra theo quy định việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của Công ty.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện hằng năm đối với Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

3. Hướng dẫn Công ty quản lý, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và giải quyết những vấn đề liên quan đến người lao động do Công ty đưa đi làm việc ở nước ngoài theo các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, phân công của Chủ sở hữu nhà nước và Điều lệ này.

Điều 19. Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty được Chủ sở hữu phân công thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ được quy định từ Điều 29 đến Điều 34 Điều lệ này.

Chương IV
TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 20. Mô hình tổ chức, quản lý Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty, Ban kiểm soát.

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty, gồm:

a) Chủ tịch Công ty;

b) Giám đốc Công ty;

c) Ban kiểm soát;

d) Các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

đ) Bộ máy giúp việc Giám đốc Công ty:

- Phòng Tổ chức – Kế toán;
- Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật.

e) Các đơn vị trực thuộc Công ty:

- Chi nhánh Thủy nông Bảo Định;
- Chi nhánh Thủy nông Cai Lậy – Cái Bè;
- Chi nhánh Thủy nông Gò Công;
- Chi nhánh Thủy nông Tân Phú Đông.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 21. Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty do cơ quan đại diện Chủ sở hữu bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Công ty có nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại không quá hai nhiệm kỳ, trừ trường hợp người được bổ nhiệm đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại Công ty trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện và các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 93, Điều 94 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác.

3. Quyết định của Chủ tịch Công ty có hiệu lực kể từ ngày ký, đóng dấu hoặc từ ngày ghi trong quyết định đó, trừ trường hợp phải được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

4. Chủ tịch Công ty làm việc hàng ngày tại Công ty. Trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty; việc ủy quyền phải được thông báo kịp thời bằng văn bản đến cơ quan đại diện Chủ sở hữu. Trường hợp ủy quyền khác thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người đại diện Chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty theo quy định tại Điều 92 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Chủ tịch Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người đại diện Chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Chủ tịch Công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc (nếu có) và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

3. Quyết định Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty sau khi được Chủ sở hữu phê duyệt và gửi quyết định phê duyệt đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, giám sát.

4. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức lương, lợi ích khác của Giám đốc Công ty sau khi có ý kiến chấp thuận của

Chủ sở hữu Công ty; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức lương, lợi ích khác của Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Công ty.

5. Quyết định kế hoạch tổ chức kinh doanh và phương án đầu tư, biên chế bộ máy quản lý.

6. Kiểm tra, giám sát Giám đốc Công ty trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình.

7. Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm; Phương án sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty; Phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Chính phủ.

8. Tổ chức thực hiện quyết định của Chủ sở hữu Công ty; tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu Công ty.

9. Quyết định hoặc phân cấp quyết định đối với công ty con 100% vốn của Công ty Thủy nông Tiền Giang.

10. Báo cáo Chủ sở hữu Công ty kết quả và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty và Nhà nước.

12. Trung thành với lợi ích của Công ty và Nhà nước, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

13. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần góp vốn chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

14. Chịu trách nhiệm cá nhân khi lợi dụng danh nghĩa Công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác, thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi có nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

15. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin gây bất lợi cho Công ty.

16. Cử, giao nhiệm vụ cho người đại diện phần phối vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

17. Thành lập, giải thể, tổ chức lại chi nhánh, văn phòng đại diện, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty theo quy định; quyết định đầu tư thành

lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu các Chi nhánh Thủy nông trực thuộc Công ty sau khi có ý kiến của Chủ sở hữu Công ty.

18. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu Công ty; thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 23. Chủ tịch Công ty quyết định sau khi được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận các nội dung

1. Quyết định Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty; việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.

2. Các quyết định quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30 của Điều lệ này.

3. Phê duyệt báo cáo quyết toán; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh.

4. Góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên.

5. Tiếp nhận công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của Công ty.

6. Báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Công ty.

7. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc Công ty.

8. Các vấn đề khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 24. Giám đốc Công ty

1. Giám đốc Công ty do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế theo phương án nhân sự đã được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận; Giám đốc Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp khác.

2. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty, Chủ tịch Công ty và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện, miễn nhiệm, cách chức đối với Giám đốc Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 101 và Điều 102 Luật Doanh nghiệp.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc Công ty

Giám đốc Công ty có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hằng ngày của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty.

2. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty và của cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty.

3. Quyết định các công việc hằng ngày của Công ty.

4. Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty đã được Chủ tịch Công ty chấp thuận.

5. Bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh quản lý trong Công ty, trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.

6. Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.

7. Lập và trình Chủ tịch Công ty báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh; báo cáo tài chính.

8. Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.

9. Tuyển dụng lao động.

10. Kiến nghị phương án tổ chức lại Công ty.

11. Phân công nhiệm vụ các Phó Giám đốc Công ty.

12. Kiểm tra, giám sát Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc và tương đương trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

13. Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư, góp vốn, liên doanh, liên kết; mua bán tài sản của Công ty, các hợp đồng vay, thuê, cho thuê theo quyết định Chủ sở hữu Công ty, Chủ tịch Công ty hoặc được phân cấp quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

14. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp, nhưng phải báo cáo ngay với Chủ tịch Công ty và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

15. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Quan hệ giữa Chủ tịch Công ty và Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty, nếu Giám đốc Công ty phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc Công ty báo cáo với Chủ tịch Công ty để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định cho phù hợp. Trường hợp Chủ tịch Công ty không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc Công ty vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị Chủ sở hữu Công ty, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc quý và năm, Giám đốc Công ty phải gửi Chủ tịch Công ty báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và phương hướng thực hiện trong kỳ tới; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch Công ty.

3. Giám đốc phải mời Chủ tịch Công ty hoặc người được Chủ tịch Công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Chủ tịch Công ty hoặc trình Chủ sở hữu Công ty do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch Công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

Điều 27. Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty

1. Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các lợi ích khác theo đề nghị của Giám đốc Công ty với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng. Chủ tịch Công ty bổ nhiệm không quá 03 Phó Giám đốc Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Phó Giám đốc giúp Giám đốc Công ty điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; giúp Giám đốc Công ty giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật Kế toán và các quy định của pháp luật.

Điều 28. Đầu tư, xây dựng, mua bán tài sản cố định

1. Chủ sở hữu Công ty quyết định, cho ý kiến, phân cấp cho Công ty thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng, mua bán tài sản cố định như sau:

a) Chủ sở hữu Công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua bán tài sản cố định với giá trị trên 50% vốn Chủ sở hữu Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án;

b) Chủ sở hữu Công ty cho ý kiến các dự án đầu tư, xây dựng, mua bán tài sản cố định thông qua Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty hoặc cho ý kiến từng dự án không có trong Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty với giá trị từ 15 tỷ đồng đến 50% vốn Chủ sở hữu Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính

năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm phê duyệt chủ trương dự án;

c) Chủ sở hữu Công ty phân cấp cho Chủ tịch Công ty thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua bán tài sản cố định theo Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty hoặc cho ý kiến từng dự án không có trong Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty với giá trị dưới 15 tỷ đồng.

2. Chủ tịch Công ty quyết định đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định như sau:

a) Chủ tịch Công ty căn cứ Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị từ 30% đến 50% vốn Chủ sở hữu Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Trong trường hợp các dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định có giá trị từ 30% đến 50% vốn Chủ sở hữu Công ty không có trong Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty thì Chủ tịch Công ty phải báo cáo Chủ sở hữu Công ty xem xét, cho ý kiến.

3. Chủ tịch Công ty phân cấp cho Giám đốc Công ty quyết định đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định như sau:

a) Giám đốc Công ty căn cứ Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị dưới 30% vốn Chủ sở hữu Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án và có báo cáo Chủ tịch Công ty sau;

b) Trong trường hợp các dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định có giá trị từ 15 tỷ đồng đến dưới 30% vốn Chủ sở hữu Công ty không có trong Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty thì Giám đốc Công ty đề xuất Chủ tịch Công ty báo cáo Chủ sở hữu Công ty xem xét, cho ý kiến hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Công ty cho ý kiến.

Điều 29. Đầu tư ra ngoài Công ty

1. Chủ sở hữu Công ty quyết định, cho ý kiến, phân cấp cho Công ty thực hiện việc đầu tư ra ngoài Công ty như sau:

a) Chủ sở hữu Công ty quyết định việc đầu tư ra ngoài Công ty với giá trị trên 30% vốn Chủ sở hữu Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo

cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư ra ngoài Công ty;

b) Chủ sở hữu Công ty phê duyệt chủ trương việc đầu tư ra ngoài Công ty thông qua Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty hoặc phê duyệt chủ trương việc đầu tư ra ngoài Công ty không có trong Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty với giá trị từ 15 tỷ đồng đến dưới 30% vốn Chủ sở hữu Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư ra ngoài Công ty;

c) Chủ sở hữu Công ty phân cấp cho Chủ tịch Công ty thẩm quyền quyết định đầu tư ra ngoài Công ty các dự án đầu tư, xây dựng, mua bán tài sản cố định theo Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty hoặc cho ý kiến từng dự án không có trong Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty với giá trị dưới 15 tỷ đồng.

2. Chủ tịch Công ty quyết định đầu tư ra ngoài Công ty như sau:

a) Chủ tịch Công ty căn cứ Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty quyết định đầu tư ra ngoài Công ty với giá trị từ 15 tỷ đồng đến 30% vốn Chủ sở hữu Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư ra ngoài Công ty;

b) Trong trường hợp đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị từ 15 tỷ đồng đến 30% vốn Chủ sở hữu Công ty không có trong Chiến lược phát triển, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm, 5 năm của Công ty thì Giám đốc Công ty đề xuất Chủ tịch Công ty báo cáo Chủ sở hữu Công ty xem xét, cho ý kiến.

3. Chủ tịch Công ty phân cấp cho Giám đốc Công ty quyết định đầu tư ra ngoài Công ty với giá trị dưới 15 tỷ đồng.

Điều 30. Huy động vốn

1. Chủ sở hữu Công ty quyết định, cho ý kiến, phân cấp cho Công ty thực hiện các phương án huy động vốn như sau:

a) Chủ sở hữu Công ty quyết định các phương án huy động vốn của Công ty với giá trị trên 50% vốn Chủ sở hữu Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định phương án huy động vốn;

b) Chủ sở hữu Công ty cho ý kiến phương án huy động vốn với giá trị từ 30% đến 50% vốn Chủ sở hữu Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm cho ý kiến phương án huy động vốn;

c) Chủ sở hữu Công ty phân cấp cho Công ty thẩm quyền quyết định phương án huy động vốn với giá trị dưới 30% vốn Chủ sở hữu Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định phương án huy động vốn.

2. Chủ tịch Công ty quyết định phương án huy động vốn với giá trị từ 30% đến 50% vốn Chủ sở hữu Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định phương án huy động vốn.

3. Chủ tịch Công ty phân cấp cho Giám đốc Công ty quyết định phương án huy động vốn với giá trị dưới dưới 30% vốn Chủ sở hữu Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định phương án huy động vốn.

Điều 31. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát Công ty có 01 Kiểm soát viên do cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Kiểm soát viên có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại Công ty.

2. Kiểm soát viên có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 104, Điều 105 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

3. Kiểm soát viên có trách nhiệm theo quy định tại Điều 107 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

5. Việc miễn nhiệm, cách chức Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 108 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

6. Tiền lương, thưởng của Kiểm soát viên do cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty quyết định và chi trả.

7. Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Công ty tại trụ sở chính hoặc các đơn vị trực thuộc. Chủ tịch Công ty, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

8. Kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ.

Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Công ty và Kiểm soát viên

1. Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hưởng chế độ lương theo năm; Kiểm soát viên được hưởng thù lao

theo công việc và thời gian làm việc. Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hưởng chế độ thưởng theo nhiệm kỳ tương ứng với hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch Công ty do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 33. Chế độ chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng

1. Hàng tháng, Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được tạm ứng 80% của số tiền lương tạm tính cho tháng đó; số 20% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm theo kết quả kinh doanh. Hàng năm, Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được tạm ứng 90% tổng số tiền thưởng của năm; số 10% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ.

2. Số 20% tiền lương và 10% tiền thưởng còn lại được chi trả cho các đối tượng tương ứng nêu trên căn cứ vào quy chế quản lý tài chính Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy chế giám sát, đánh giá đối với Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bộ Tài chính ban hành.

Trường hợp kết quả xếp loại doanh nghiệp và kết quả đánh giá về quản lý, điều hành hoặc kiểm soát của Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại quy chế quản lý tài chính và quy chế giám sát, đánh giá, thì Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng không đáp ứng yêu cầu sẽ không được quyết toán 20% số tiền lương năm (đối với đối tượng hưởng lương) và không được hưởng 10% số tiền thưởng còn lại của nhiệm kỳ.

Điều 34. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty, Kiểm soát viên xem xét quyết định.

a) Chủ sở hữu Công ty và người có liên quan đến Chủ sở hữu Công ty;

b) Người đại diện theo ủy quyền hoặc Kiểm soát viên;

c) Người có liên quan với người đại diện theo ủy quyền, Kiểm soát viên;

d) Người quản lý Chủ sở hữu Công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm những người quản lý đó;

đ) Người có liên quan đến người quản lý Chủ sở hữu và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý chủ sở hữu.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải gửi cho Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, đồng thời niêm yết tại trụ sở chính và các Chi nhánh Thủy nông trực thuộc dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung giao dịch đó.

2. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau:

a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;

b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá phù hợp thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;

c) Chủ sở hữu Công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được giao kết không đúng quy định tại khoản 1 Điều này. Chủ tịch, Giám đốc Công ty và các bên của hợp đồng phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

4. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân với Chủ sở hữu Công ty hoặc người có liên quan của Chủ sở hữu Công ty phải được ghi chép lại và lưu giữ thành hồ sơ riêng của Công ty.

Chương IX
NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ TRONG CÔNG TY

Điều 35. Người lao động tham gia quản lý trong Công ty

1. Người lao động tham gia quản lý trong Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

a) Hội nghị người lao động;

b) Hội nghị chuyên môn do Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Trưởng các phòng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc triệu tập;

c) Thông qua tổ chức thảo luận, thương lượng về nội dung thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động;

d) Cấp ủy Đảng cơ sở, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở tổ chức lấy ý kiến;

đ) Thông qua hòm thư góp ý đặt ở những địa điểm thuận lợi trong Công ty;

e) Chủ tịch Công ty, Giám đốc tiếp người lao động theo định kỳ hoặc đột xuất;

g) Thông qua việc tiếp công dân theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo theo quy định pháp luật.

2. Những nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động:

Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Thông qua nội dung thỏa ước lao động tập thể, các nội dung sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi người đại diện Ban Chấp hành Công đoàn Công ty ký kết với người quản lý Công ty;

c) Thông qua Nghị quyết Hội nghị người lao động;

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

đ) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết;

e) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động;

g) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty;

h) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật;

i) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động;

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động;

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp;

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

4. Hàng năm, Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch Công ty đã thông qua, đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

5. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Giám đốc lập kế hoạch để Chủ tịch Công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty và tổ chức Công đoàn của người lao động.

6. Hình thức quyết định của người lao động:

Người lao động quyết định những nội dung quy định tại khoản 2 Điều này thông qua các hình thức sau:

a) Người lao động tự quyết định bằng văn bản;

b) Biểu quyết tại hội nghị;

c) Thông qua tổ chức Công đoàn Công ty.

Điều 36. Chế độ tuyển dụng và quyền lợi người lao động

1. Chế độ tuyển dụng

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Giám đốc và người lao động phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động và các quy định trong hợp đồng lao động.

2. Quyền lợi của người lao động:

a) Được hưởng các quyền lợi quy định trong Bộ luật Lao động và các quy định pháp luật khác;

b) Việc soạn thảo ký kết thỏa ước lao động tập thể người lao động và Công ty cũng như việc thành lập, hoạt động của tổ chức Công đoàn Công ty cũng được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và hướng dẫn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 37. Tiền lương - Phụ cấp

1. Lương và các khoản phụ cấp của tất cả người quản lý và người lao động của Công ty được thỏa thuận trong hợp đồng lao động được xây dựng trên nguyên tắc:

a) Tính chất công việc;

b) Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

c) Phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động.

2. Cách tính lương và phụ cấp Công ty thực hiện theo thông tư hướng dẫn hiện hành của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về cơ chế quản lý lao động, tiền lương, phụ cấp và thu nhập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Chương VI
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 38. Vốn điều lệ

Trong quá trình kinh doanh, Chủ sở hữu Công ty có quyền quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Chủ sở hữu Công ty phê duyệt tăng vốn điều lệ cho Công ty căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô, hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc thù hoạt động của Công ty. Khi tăng vốn điều lệ, Công ty phải điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán và đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh. Nguồn bổ sung vốn điều lệ bao gồm:

1. Chủ sở hữu đầu tư thêm (nếu có).

2. Lợi nhuận sau thuế của Công ty.

3. Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Công ty tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của tổ chức hoặc cá nhân khác phải được Chủ sở hữu chấp thuận trước khi tổ chức thực hiện, Công ty phải đăng ký chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thành viên mới kết góp vốn vào Công ty.

Điều 39. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và kết thúc vào cuối ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Điều 40. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí

Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí của Công ty được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quy chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Quy chế tài chính của Công ty do cơ quan đại diện Chủ sở hữu ban hành.

Điều 41. Công tác tài chính kế toán

1. Sổ sách kế toán của Công ty mở đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật kế toán và các chế độ hiện hành.

2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải lập báo cáo quyết toán tài chính gửi đến Chủ sở hữu và các cơ quan chức năng theo quy định.

Điều 42. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

1. Tổng lợi nhuận của Công ty bao gồm: lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

2. Lợi nhuận thực hiện của Công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, việc trích lập, phân phối và sử dụng các quỹ theo nghị định của Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quy chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Việc trích lập và phân phối các quỹ phải thực hiện công khai theo quy chế tài chính, quy chế dân chủ cơ sở và quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 43. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp trong kinh doanh thua lỗ, việc giải quyết thua lỗ, Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII
TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 44. Tổ chức lại Công ty

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định hướng dẫn về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 45. Chuyển đổi sở hữu Công ty

Chủ sở hữu Công ty quyết định việc chuyển đổi Công ty thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 46. Tạm ngừng kinh doanh

1. Chủ sở hữu Công ty quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty. Quyết định tạm ngừng kinh doanh của Chủ sở hữu Công ty phải được lập thành văn bản.

2. Công ty tổ chức thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty phù hợp với Điều 206 Luật Doanh nghiệp, pháp luật về thành lập doanh nghiệp, pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

Điều 47. Giải thể, phá sản Công ty

Việc giải thể, phá sản Công ty và trình tự thủ tục thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật có liên quan, Luật Phá sản.

Chương VIII
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 48. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch Công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch Công ty có quyền yêu cầu Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty.

3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 49. Trách nhiệm báo cáo và thông tin cho Chủ sở hữu

1. Chủ tịch Công ty lập và gửi Chủ sở hữu Công ty những tài liệu sau đây:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc quý, năm tài chính, Chủ tịch Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và dự kiến phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty;

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, Chủ tịch Công ty gửi báo cáo bằng văn bản về cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; về thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và cán bộ quản lý, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc Công ty; các vấn đề phải được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.

c) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Công ty và các kiến nghị phê duyệt của Chủ tịch Công ty tại Điều 17 của Điều lệ này, Chủ sở hữu quyết định phê duyệt hoặc trả lời Công ty bằng văn bản.

2. Kiểm soát viên trình Chủ sở hữu Công ty:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

3. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty trong từng trường hợp.

4. Các nội dung công bố thông tin khác theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Điều 50. Công khai thông tin

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài của Công ty. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, người đại diện theo pháp luật của Công ty là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương IX
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 51. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Chủ sở hữu Công ty quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. Chủ tịch Công ty có quyền kiến nghị Chủ sở hữu Công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 52. Quản lý sử dụng và lưu giữ con dấu của Công ty

1. Chủ tịch Công ty quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Mọi tranh chấp, khiếu nại liên quan đến công việc của Công ty giữa Chủ sở hữu và Công ty, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty, Kiểm soát viên; giữa Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty và Kiểm soát viên, bộ máy giúp việc; người sử dụng lao động với người lao động... đều giải quyết theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nếu việc giải quyết tranh chấp theo Điều lệ không được các bên chấp thuận, thì thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 10 chương, 55 điều đã được Chủ sở hữu Công ty ban hành. Các cá nhân và các tổ chức có liên quan thuộc đối tượng áp dụng của Điều lệ này có trách nhiệm thực hiện đúng theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

2. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Điều lệ này thì thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

3. Hàng năm, trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản nào trái với pháp luật mới ban hành hoặc không còn phù hợp, thì điều khoản đó không được thi hành và Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành. Chủ tịch Công ty có trách nhiệm kiến nghị, đề xuất để Chủ sở hữu quyết định bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

Điều 55. Phạm vi thi hành

1. Chủ sở hữu, Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Các quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ Công ty.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty./.